TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 486/2020/QĐST-HNGĐ	*Pleiku, ngày 26 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 788/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Văn K, sinh năm 1977; địa chỉ: Làng Pleiku R, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

2. Chị Trần Thị Phương Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Làng Pleiku R, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh Lê Văn K và chị Trần Thị Phương Th đoàn tụ, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, nhưng không thành. Anh K và chị Th đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, họ không còn yêu thương, chăm sóc và quý trọng nhau trong một khoảng thời gian dài. Vì vậy, anh K và chị Th thỏa thuận thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc nuôi con chung: Anh Lê Văn K và chị Trần Thị Phương Th có 02 con chung là Lê Ngọc D, sinh ngày 26/6/2012 và Lê Ngọc D1, sinh ngày 29/01/2016. Theo nguyện vọng của cháu D được sống cùng chị Th sau khi cha, mẹ cháu ly hôn. Và anh, chị thỏa thuận giao cháu Lê Ngọc D và Lê Ngọc D1 cho chị Trần Thị Phương Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng, cả 02 cháu là 4.000.000 đồng/tháng (Bốn triệu đồng trên một tháng). Thời gian cấp dưỡng từ

tháng 12 năm 2020 đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sự thỏa thuận của anh, chị là tự nguyện, bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của các cháu để các cháu phát triển lành mạnh về thể chất lẫn tinh thần. Sự thỏa thuận đó phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các điểm b, c khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Về tài sản chung: Anh Lê Văn K và chị Trần Thị Phương Th tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án công nhận theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn K và chị Trần Thị Phương Th thỏa thuận anh K chịu toàn bộ tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn K và chị Trần Thị Phương Th đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, anh chị thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về việc nuôi con chung: Anh Lê Văn K và chị Trần Thị Phương Th có 02 người con chung là Lê Ngọc D, sinh ngày 26/6/2012 và Lê Ngọc D1, sinh ngày 29/01/2016. Anh, chị tự thỏa thuận giao cả hai cháu Lê Ngọc D và Lê Ngọc D1 cho chị Trần Thị Phương Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự.

Anh Lê Văn K tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai cháu là 4.000.000 đồng/tháng (Bốn triệu đồng trên một tháng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2020 đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Anh Lê Văn K và chị Trần Thị Phương Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh Lê Văn K và chị Trần Thị Phương Th thỏa thuận anh Lê Văn K chịu toàn bộ tiền lệ phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005782 ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Anh K đã nộp đủ tiền lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan THADS cùng cấp;
- UBND phường Yên Đỗ, Pleiku, Gia Lai;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lưu Anh Tuấn